

**PHỤ LỤC PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT**

(Đính kèm Công văn mời chào giá số 3.573/ĐHYD-QTGT ngày 03... tháng 9. năm 2025)

Số T T	Tên danh mục hóa chất, vật tư	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bóp cao su	cái	cái	40
2	Cọ rửa ống nghiệm nhỏ	cái	cái	10
3	Rõ nhựa 30x40cm	cái	cái	40
4	Ống nghiệm 1,6x10cm	cái	cái	500
5	Giá ống nghiệm	cái	cái	10
6	Bình tia 500ml	cái	cái	30
7	Kẹp buret	cái	cái	20
8	Pipet bầu 10ml	cái	cái	30
9	Đũa thủy tinh ngắn 20cm	Cái	cái	20
10	Ca nhựa 5L	Cái	cái	2
11	Ca nhựa 1L	Cái	cái	4
12	Acid oxalic - H <sub>2</sub> C <sub>2</sub> O <sub>4</sub> .2H <sub>2</sub> O	Chai 500g	chai	25
13	Acid phosphoric H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub>	Chai 500g	chai	4
14	Sắt (II) sulfat - FeSO <sub>4</sub> .7H <sub>2</sub> O	Chai 500g	chai	2
15	Natri dihydrophotpat NaH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>	Chai 500g	chai	4
16	Natri tetraborat Na <sub>2</sub> B <sub>4</sub> O <sub>7</sub> .10H <sub>2</sub> O	Chai 500g	chai	5
17	Ống chuẩn HCl 0,1N	Hộp/4 ống	Ống	40
18	Ống chuẩn NaOH 0,1N	Hộp/4 ống	Ống	20
19	Acid sulfuric – H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Chai 500ml	chai	20
20	Acid chlohyric – HCl	Chai 500ml	chai	20
21	Amoniclorua – NH <sub>4</sub> Cl	Chai 500g	chai	3
22	Nước cất	Can 30l	Lít	30
23	Tryptone Soya Agar (TSA)	Chai 500g	chai	5
24	Sobouraud Dextrose Agar (SDA)	Chai 500g	chai	5
25	2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl (DPPH)	Chai 5g	chai	5
26	Trolox	Chai 1g	chai	5
27	Ascorbic acid	Chai 500g	chai	2
28	Alpha Tocopherol	Chai 500mg	chai	5
29	2,2'-Azino-bis(3-ethylbenzothiazoline-6-sulfonic acid (ABTS)	Chai 1g	chai	5
30	Chloromethyl methyl ether (Cl-MOM)	Chai 5g	chai	2
31	Silica gel with indicator (granulate ~ 1 - 3 mm)	Chai 1000g	chai	2
32	Copper Sulphate (Đồng sunfat) Guangdong Guanghua Sci-tech	Chai 500g	chai	10
33	Cồn 90	Lít	Lít	4
34	Acetone (99.5%) Xilong Scientific	Chai 500ml	chai	10
35	Methanol (99.5%) Xilong Scientific	Chai 500ml	chai	10
36	Ethanol (99.7%) Xilong Scientific	Chai 500ml	chai	10
37	Burette 25 ml (Ống đếm giọt)	cái	cái	10
38	Bộ chân giá đỡ burette	cái	cái	5
39	Pipette chính xác 50 ml	cái	cái	10
40	Pipette chính xác 10 ml	cái	cái	10
41	Pipette chính xác 2 ml	cái	cái	10
42	Pipette chính xác 1 ml	cái	cái	10
43	Micropipette DRAGONlab 10-100ul	cái	cái	2

Y  
HỌC  
DUỐC  
ANH PH  
CHÍ M

Số T T	Tên danh mục hóa chất, vật tư	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
44	bóng bóp cao su 3 van	cái	cái	10
45	bóng bóp cao su	cái	cái	10
46	Hộp cuvette nhựa PS máy quang phổ, 10x10x45, dung tích 2-4 ml	hộp/ 100 cái	hộp	2
47	Bình tia nắp trắng, vòi cong, dung tích 500ml, nhựa PP	cái	cái	20
48	Bình định mức 100 ml	cái	cái	20
49	Cọ rửa dụng cụ lớn	cái	cái	2
50	Cọ rửa ống đong	cái	cái	2
51	Cọ rửa ống nghiệm trung	cái	cái	2
52	Cọ rửa ống nghiệm nhỏ	cái	cái	2
53	Ampicilin	chai 1g	chai	2
54	Acid acetide băng (chai đá)	chai 500ml	chai	2
55	Acid acetide	chai 500ml	chai	1
56	Cồn 960	lít	Lít	1
57	Eosin bột (nhuộm đỏ tươi )	chai 25g	chai	1
58	Giemsa Wright	Chai 500ml	chai	1
59	Natricolohidride	Chai 500g	chai	1
60	Formaldehyde	chai 500ml	chai	2
61	Kali acetate	Chai 500g	chai	1
62	Hematoxyline	chai 500ml	chai	2
63	Yeast extract for microbiology	Chai 500g	chai	1
64	O-toluidin blue (pha sẵn )	Chai 500ml	chai	1
65	Bộ bồn đồ gel điện di 100ml	bộ	bộ	1
66	Đĩa giấy cân hóa chất	Hộp/500 tờ	hộp	1
67	Đầu bóp cao su nhỏ	cái	cái	100
68	Dao lam	hộp/5 cái	hộp	20
69	Muỗng lấy hóa chất (nhỏ)	cái	cái	100
70	Kim mũi móc	cái	cái	30
71	Kẹp nhỏ (12cm)	cái	cái	30
72	Đầu tít xanh	Gói/ 1000 cái	gói	3
73	Đầu tít vàng (ependorf)	Gói/ 1000 cái	gói	10

Số T T	Tên danh mục hóa chất, vật tư	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
74	Đầu tiếp trắng	Gói/ 1000 cái	gói	1
75	Efpendorf (1.5ml)	Gói/ 1000 cái	gói	10
76	Găng tay y tế size s	hộp/ 50 đôi	hộp	20
77	Găng tay y tế size m	hộp/ 50 đôi	hộp	20
78	Giấy lau kính hiển vi	tệp/ 100 tờ	tệp	20
79	Lame đầu nhám	hộp/ 72 cái	hộp	20
80	Lamelle	hộp/ 100 cái	hộp	60
81	Ổng hematocric	hộp/ 100 cái	hộp	35
82	Carbazol	Chai 500g	Chai	1
83	Diethyl methyl malonate	Chai 100g	Chai	1
84	Diethyl phenyl malonate	Chai 250ml	Chai	1
85	Diphenyl ether	Chai 1L	Chai	1
86	Benzylamine	Chai 500ml	Chai	1
87	Phenylamine (Aniline)	Chai 500ml	Chai	1
88	Morpholine	Chai 500ml	Chai	1
89	Piperazine	Chai 500g	Chai	1
90	Pyridine	Chai 500ml	Chai	1
91	Chlorophenylhydrazine hydrochloride	Chai 250g	Chai	1
92	3-methylcyclohexanone	Chai 100g	Chai	1
93	Acetic acid glacia	Chai 500ml	Chai	1
94	Natrium acetate khan (Sodium acetate)	Chai 250g	Chai	1
95	2-Hydroxy carbazole	Chai 25g	Chai	1
96	Petroleum ether	Chai 1L	Chai	1
97	Carbazol	Chai 500g	Chai	1
98	Diethyl methyl malonate	Chai 100g	Chai	1